



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Trụ sở chính:

Toà nhà TDL, 22 Láng Hạ,
Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3248 4820

Fax: (84-4) 3248 4821

Chi Nhánh Hồ Chí Minh:

Tầng 9, 63A Võ Văn Tần,
Quận 3, TPHCM

Điện thoại: (84-8) 6299 2099

Fax: (84-8) 6299 2088

Website: <http://www.tvs.vn> Email: info@tvs.vn

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT.

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006.

Vốn điều lệ: 430.000.000.000 đ (Bốn trăm ba mươi tỷ đồng)

Địa chỉ trụ sở: Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Tầng 9, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP.HCM

Email: info@tvs.vn

Website: <http://www.tvs.vn>

Điện thoại: (84-4) 32484820

Fax: (84-4) 32484821

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/12/2006.

2. Quá trình phát triển:

a. Các mốc sự kiện

- Giấy phép hoạt động kinh doanh CK số 36/UBCK-GPHĐKD (“GP 36”) của Chủ tịch UBCK ngày 25/12/2006; Giấy phép số 67/UBCK-CP ngày 24/8/2007 điều chỉnh GP 36 tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ lên 86 tỷ đồng; Giấy phép 92/UBCK-GPĐCCTCK ngày 5/12/2007 điều chỉnh GP 36 tăng vốn điều lệ lên 430 tỷ đồng;
- Quyết định 505/QĐ-UBCK (“QĐ 505”) của Chủ tịch UBCK ngày 7/9/2007 chấp thuận thành lập chi nhánh TPHCM; Quyết định 81/QĐ-UBCK ngày 16/2/2009 sửa đổi QĐ 505 (chuyển địa điểm chi nhánh);
- Quyết định 18/QĐ-TTGDHN ngày 25/1/2007 của Giám đốc TTGDCK Hà Nội v/v Công nhận thành viên giao dịch;
- Giấy chứng nhận thành viên đầu thầu TTGDCK Hà Nội ngày 14/3/2007;
- Quyết định 42/QĐ-TTGDHCM ngày 7/2/2007 của GD TTGDCK TPHCM v/v Công nhận tư cách thành viên;
- Giấy chứng nhận tư cách thành viên lưu ký số 43/GCNTVLK ngày 17/1/2007 của GD TTLKCK;
- Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hoạt động lưu ký số 10/GCNTVLK -CN ngày 4/10/2007 của GD TTLKCK;
- Quyết định số 01/QĐ-SGDHCM của TGD SGDCK TPHCM ngày 4/1/2010 v/v chấp nhận thành viên giao dịch trực tuyến;
- Quyết định số 238/QĐ-SGDHN của TGD SGDCK HN ngày 27/4/2010 v/v chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến;

- Quyết định số 115/GPĐC-UBCK của Chủ tịch UBCK ngày 03/12/2012 v/v điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động – thay đổi địa chỉ trụ sở đến Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 512/QĐ-SGDHCM ngày 25/12/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.
- Ngày 15/01/2015, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán: TVS) chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

b. Tăng vốn

Trong quá trình hoạt động, Công ty thực hiện hai lần tăng vốn điều lệ:

- Tăng vốn từ 43.000.000.000 VNĐ lên 86.000.000.000 VNĐ theo Quyết định số 67/UBCK-GP ngày 24 tháng 8 năm 2007;
- Tăng vốn từ 86.000.000.000 VNĐ lên 430.000.000.000 VNĐ theo Quyết định số 92/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05 tháng 12 năm 2007.

c. Ngành nghề kinh doanh

Công ty được cấp phép hoạt động đầy đủ các loại hình dịch vụ kinh doanh chứng khoán như sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Chiến lược phát triển trong trung hạn của Công ty là xây dựng bộ phận Ngân hàng đầu tư (IB) có tính cạnh tranh cao tại Việt Nam đồng thời cam kết đem lại lợi nhuận bền vững cho các cổ đông trong môi trường kinh tế có nhiều biến động và thách thức. Chúng tôi sẽ duy trì và tiếp tục phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính là Ngân hàng đầu tư (IB), Tự doanh (PI), Phân tích và Môi giới. Hai lĩnh vực hàng đầu IB và PI là hai lĩnh vực có tính cạnh tranh cao và là yếu tố then chốt đối với sự tăng trưởng dài hạn.

b. Chiến lược phát triển của các bộ phận

Ngân hàng đầu tư:

Chúng tôi tập trung vào việc hợp tác dài hạn với các doanh nghiệp lớn thuộc khối kinh tế tư nhân để mang lại cho bộ phận IB các dịch vụ và thương vụ tiềm năng ví dụ như vốn cổ phần doanh nghiệp tư nhân, kinh doanh chiến lược, M&A, IPO và tài trợ vốn đặc quyền.

Tự doanh:

Tự doanh là yếu tố chính mang lại lợi nhuận của chúng tôi về mặt ngắn hạn đồng thời trợ giúp chúng tôi phát triển hoạt động của IB. Chúng tôi đầu tư vào ba loại tài sản khác nhau bao gồm vốn cổ phần doanh nghiệp tư nhân, vốn cổ phần công ty niêm yết, và tài sản nợ. Chiến lược của chúng tôi là đầu tư vào các doanh nghiệp tư nhân và công ty niêm yết với bước đệm là tài sản nợ.

Môi giới:

TVS phần đầu là nhà cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán chuyên sâu và chất lượng cao cho Khách hàng. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về kiểm soát rủi ro khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính cho khách hàng.

Nghiên cứu & Phân tích:

Mục tiêu của TVS là đứng trong các công ty nghiên cứu và phân tích hàng đầu tại Việt Nam. Công ty sẽ từng bước xây dựng và củng cố các nguồn lực thích hợp để tạo ra các sản phẩm phân tích có chất lượng, mang tính thường xuyên và chuyên sâu với khả năng bao quát khoảng 30-50 cổ phiếu có tính thanh khoản cao nhất mà chiếm tới hơn 70% tổng giá trị vốn hoá thị trường.

IV. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái.

Hầu hết các doanh nghiệp trong nền kinh tế đều có những rủi ro liên quan đến những biến động bất lợi của nền kinh tế. Đặc biệt đối với các tổ chức hoạt động trên thị trường chứng khoán (TTCK) như các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư; công ty chứng khoán... sự biến động của nền kinh tế sẽ có ảnh hưởng tức thì tới sự thành bại của các công ty trong ngành.

1.1 Biến động về tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán. Trong thời kỳ nền kinh tế tăng trưởng tốt cùng với những triển vọng sáng sủa sẽ kéo theo sự tăng trưởng và phát triển của trường chứng khoán. Trong bối cảnh này, các nhà đầu tư, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán đều được hưởng lợi. Tuy nhiên, nền kinh tế và thị trường chứng khoán không phải lúc nào cũng phát triển thuận lợi mà luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Khi có mối đe dọa đến sự ổn định và phát triển kinh tế, thị trường chứng khoán ắt sẽ có phản ứng tiêu cực, đó là sự suy giảm cả về chỉ số giá, cả về tính thanh khoản của thị trường.

Hoạt động của các công ty chứng khoán trong một chừng mực nào đó sẽ bị ảnh hưởng như doanh thu hoạt động môi giới sẽ bị giảm sút trước tiên do thanh khoản của thị trường kém hơn. Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp như tư vấn cổ phần hoá, tư vấn phát hành, hay niêm yết cũng sẽ bị ảnh hưởng. Hoạt động tự doanh chứng khoán có thể sẽ để lại khoản lỗ nặng nề nếu việc mua, bán không đúng thời điểm do không nhận định đúng diễn biến của thị trường. Tuy nhiên, thời kỳ nền kinh tế khó khăn lại là cơ hội tốt cho một số dịch vụ tư vấn như mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành, và thậm chí là cơ hội rất tốt cho hoạt động tự doanh chứng khoán nhờ đầu tư ở vùng giá thấp và hiện thực hoá lợi nhuận ở vùng giá cao.

1.2 Lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động rất tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Lạm phát cũng là một loại rủi ro hệ thống, do đó vượt ngoài phạm vi điều chỉnh của doanh nghiệp. Biện pháp phòng ngừa rủi ro là làm tốt công tác dự báo, tiên liệu các tình huống và chủ động trong hoạt động kinh doanh của mình, tránh bị ảnh hưởng do lạm phát gây ra.

1.3 Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh

doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thông thường, rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất thị trường tăng, làm tăng chi phí hoạt động và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp. Riêng đối với các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, rủi ro lãi suất còn có thể xuất hiện ngay cả khi lãi suất thị trường giảm đột ngột ngoài dự tính.

Đối với các Công ty chứng khoán tham gia thị trường với tư cách là một nhà đầu tư chứng khoán, khi lãi suất tăng sẽ bị rủi ro vì giá cổ phần sụt giảm do tác động kép từ hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp giảm và dòng vốn vào thị trường chứng khoán giảm sút.

1.4 Rủi ro tỷ giá hối đoái

Hoạt động kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam là hoạt động ít bị tác động trực tiếp từ sự biến động tỉ giá. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh có thể bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định thông qua sự tác động đến thị trường chứng khoán.

Tỉ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỉ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Nhiệm vụ công tác quản lý tỉ giá là bảo đảm sự ổn định tiền tệ và tỉ giá, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.

Mặc dù quan điểm của Chính Phủ là bình ổn tỷ giá, song theo xu hướng chung thì tỷ giá vẫn sẽ phải phụ thuộc chủ yếu bởi các yếu tố thị trường, và điều này tạo nên rủi ro đối với nhiều doanh nghiệp có liên quan. Việc biến động tỷ giá cũng kéo một phần vốn đầu tư trên thị trường chứng khoán sang một số kênh thị trường ngoại hối. Kinh doanh ngoại tệ hiện cũng đang là một kênh tìm kiếm lợi nhuận với một số nhà đầu tư có vốn lớn, có sự hiểu biết về phân tích vĩ mô.

2. Rủi ro về pháp luật

Hoạt động của công ty chứng khoán bị điều chỉnh trực tiếp bởi hệ thống các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành và các cơ quan chức năng liên quan. Do chứng khoán là một lĩnh vực mới ở Việt Nam nên hệ thống luật còn đang được thay đổi, bổ sung và hoàn thiện, nên sẽ luôn có tiềm ẩn rủi ro liên quan đến sự thay đổi, điều chỉnh các văn bản luật về lĩnh vực chứng khoán, còn tồn tại những rủi ro khác liên quan đến việc thiếu tính đồng bộ và nhất quán giữa Luật chứng khoán và các luật liên quan làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa được hoàn chỉnh, việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều khó khăn. Sự điều chỉnh của các văn bản luật thuộc các lĩnh vực nêu trên còn thiếu nhất quán, thiếu ổn định và có những quy định chồng chéo nhau, đôi khi các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu cập nhật gây khó khăn trong việc áp dụng. Tuy nhiên, việc Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) cũng là điều kiện thuận lợi để môi trường pháp lý được cải thiện hơn và tuân theo các quy định chung của quốc tế.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn

bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội. Về phía Công ty, các cán bộ chuyên trách đều được đào tạo, cập nhật các chính sách mới nhất để đảm bảo việc tuân thủ các quy định của luật pháp.

3. Rủi ro trong hoạt động

3.1. Rủi ro trong hoạt động dịch vụ môi giới khách hàng

Rủi ro có thể xảy ra tại bất cứ khâu nào của các mảng hoạt động, như sai sót trong hoạt động môi giới khi thực hiện lệnh cho khách hàng; hay trong các giao dịch với các đối tác gây ra thiệt hại mà Công ty phải bồi thường, hoặc những gian lận của cán bộ nhân viên gây thiệt hại cho Công ty; rủi ro hạ tầng thông tin không ổn định.

Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động này, TVS luôn tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro và đồng thời công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nội bộ để nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên môi giới.

Rủi ro trong Hoạt động Tự doanh (PI)

Đây là những rủi ro cá biệt liên quan đến danh mục đầu tư của Công ty sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong hoạt động tự doanh, nếu thận trọng quá, đôi khi mất cơ hội, ngược lại nếu không tìm hiểu, phân tích kỹ, có thể mắc sai lầm do đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, không có triển vọng, trong trường hợp này, Công ty có thể phải chịu rủi ro lớn, ảnh hưởng đến an toàn vốn. Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động này, TVS đã đa dạng hóa danh mục đầu tư và có đội ngũ chuyên phân tích đánh giá cổ phiếu trước khi đầu tư.

Rủi ro hỗ trợ tài chính cho khách hàng

Cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính nhằm hỗ trợ cho các nhà đầu tư nâng cao hiệu quả nhờ cơ chế đòn bẩy, nhưng khi thị trường không thuận lợi lại làm cho rủi ro trầm trọng hơn. Bên cạnh sản phẩm cho vay ký quỹ theo qui định, Công ty đã hợp tác với các ngân hàng và tổ chức tài chính để các nhà đầu tư có thể tiếp cận với nguồn vốn tín dụng. Tổng nguồn vốn hỗ trợ tài chính cho khách hàng chiếm dưới 15% vốn chủ sở hữu công ty. Vì lợi ích của các nhà đầu tư, Công ty thường xuyên, tích cực phân tích, dự báo, tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư để giúp các nhà đầu tư hoạt động có hiệu quả, giảm thiểu rủi ro và từ đó cũng giảm được rủi ro cho TVS khi hỗ trợ tài chính cho khách hàng.

Rủi ro nguồn nhân lực

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, nhân tố con người có vai trò quyết định. Chứng khoán lại là một ngành kinh doanh mới nên nguồn nhân lực có năng lực và kinh nghiệm còn rất thiếu. Do đó, khi có biến động nhân sự cấp cao hoặc thực hiện các dự án kinh doanh mới, Công ty có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nhân sự đủ tài năng, kinh nghiệm và nhân cách để đảm đương vai trò tại Công ty. Để thu hút được người lao động và nhân tài trong ngành chứng khoán, TVS đã luôn duy trì chính sách trả lương và thưởng tương đối cao so với các công ty chứng khoán khác trong ngành và luôn tạo mọi điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên Công ty.

Rủi ro về khả năng đáp ứng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cập nhật nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các thay đổi từ các cơ quan quản lý

Một yêu cầu thiết yếu để thực hiện được lệnh giao dịch chứng khoán cho khách hàng một cách tiện lợi, nhanh chóng và kịp thời là hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật phải luôn được duy trì kết nối với các SGDCK. Trường hợp kết nối này bị gián đoạn hoặc không thực hiện được kết nối với các SGDCK, giao dịch sẽ không thực hiện được có thể gây thiệt hại cho khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại này. Hơn nữa, trong trường hợp này Công ty sẽ bị mất uy tín với khách hàng và trên thị trường nên khách hàng hiện tại có thể rời bỏ công ty, cũng như việc thu hút khách hàng mới sẽ rất khó khăn.

Việc bị ngắt quãng kết nối hoặc không kết nối được có thể do SGDCK và các cơ quan quản lý thay đổi, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hoặc SGDCK và cơ quan quản lý triển khai các sản phẩm, phần mềm mới mà hệ thống hạ tầng hiện tại của Công ty không hoặc chưa đáp ứng hoặc tương thích được ngay lập tức.

Để dự phòng và ứng phó với loại rủi ro này, TVS luôn đặt vấn đề thích ứng hệ thống lên hàng đầu. Trong quá trình hoạt động, TVS luôn chủ động theo dõi bám sát các thông tin liên quan đến những kế hoạch nâng cấp phát triển hệ thống từ các cơ quan quản lý nhà nước (UBCKNN, Trung tâm lưu ký, các SGDCK...) để xây dựng các kế hoạch sẵn sàng đáp ứng hệ thống. TVS luôn thực hiện các cập nhật hệ thống chính xác và đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật cũng như quy trình tuân thủ của cơ quan quản lý nhà nước.

Bên cạnh việc đáp ứng các hoạt động trên thị trường giao dịch truyền thống, hiện hệ thống giao dịch tại TVS đã đáp ứng hoàn toàn các cho các sản phẩm mới như ETF, nâng cấp bộ chỉ số HSX, cập nhật hệ thống core HSX, kết nối số liệu trung tâm lưu ký...Nhằm mục tiêu luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thị trường trong tương lai, TVS đang tiếp tục kết hợp cùng đối tác cung cấp core và giải pháp chứng khoán tìm hiểu và xây dựng giải pháp sẵn sàng đáp ứng cho các nghiệp vụ trong thời gian tới như ETF, Fund, Futures & Options...

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, giá cổ phiếu của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn v.v... là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn được, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1) KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2014 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015

Kết quả hoạt động năm 2014

Với những chuyển biến tích cực của kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán năm 2014 cùng sự tin tưởng của cổ đông cũng như nỗ lực không ngừng của đội ngũ lãnh đạo và nhân viên TVS đã giúp TVS vượt 26,6% kế hoạch, đạt kết quả kinh doanh tốt nhất từ khi thành lập đến giờ với ROE năm 2014 đạt 16%.

Thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2014, HĐQT và Ban điều hành (BDH) đã thực hiện các thủ tục để niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh. Việc thực hiện niêm yết cổ phiếu đã hoàn thành vào ngày 15/01/2015. Quyết định niêm yết của TVS là để tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu và sẽ không ảnh hưởng đến chiến lược phát triển mà TVS đã và đang theo đuổi.

Trong năm 2014, HĐQT đã chấp thuận cho TVS mua 99,2% Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Phúc. Ủy ban chứng khoán đã ra văn bản chấp thuận giao dịch này trong tháng 3 vừa qua. BDH TVS đang hoàn thiện những thủ tục cuối cùng để đổi tên thành Công ty cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt cũng như giấy tờ khác để Công ty QLQ Thiên Việt sớm đi vào hoạt động. TVS xác định đây sẽ là “vũ khí” cạnh tranh mới và sau khi đi vào hoạt động, Công ty quản lý quỹ sẽ giúp TVS đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, tạo ra sự khác biệt với các CTCK khác.

Về thủ lao: trong năm 2014, HĐQT và BKS đã nhận thủ tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 6 của Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD 2014 ngày 01/04/2014.

Kế hoạch kinh doanh năm 2015

Theo nhận định của TVS nền kinh tế Việt Nam năm 2015 có triển vọng tích cực hơn bởi các yếu tố chính: (1) tác động tích cực từ giá dầu thế giới giảm mạnh. Tuy nền kinh tế chịu tác động hai chiều, nhưng ở chiều hướng lợi nhiều hơn là khá rõ. Nếu như những nước thuần nhập khẩu xăng, dầu, họ được hưởng lợi 100 phần từ giá dầu thế giới giảm, thì Việt Nam được hưởng lợi khoảng 60-70 phần sau khi trừ đi các tác động tiêu cực của hoạt động xuất khẩu dầu thô. (2) những yếu tố tác động tích cực từ quá trình chuẩn bị tổ chức đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XII của Đảng. (3) hai nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ và Trung Quốc tiếp tục có triển vọng khả quan thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển. (4) các hiệp định TPP, FTA đang trong quá trình đàm phán đã thúc đẩy các nguồn vốn FDI ngày càng tập trung nhiều vào Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực dệt may, hạ tầng. Do đó, TTCK được kỳ vọng sẽ tăng trưởng bền vững hơn trong năm 2015. Tuy nhiên, rủi ro của viễn cảnh kinh tế thế giới đang nghiêng về phần bất lợi (thương mại toàn cầu đang yếu đi, khả năng biến động thị trường tài chính do lãi suất ở Mỹ tăng ở mốc thời gian không dự đoán được, nguy cơ suy thoái kéo dài từ khối Châu Âu...) sẽ tác động đến kinh tế Việt Nam cũng như dòng vốn FII vào TTCK.

Kế hoạch kinh doanh năm 2015 được HĐQT của TVS xây dựng trên quan điểm thận trọng về thị trường lẫn ngân sách đầu tư cho năm 2015. Chúng tôi đặt kế hoạch thực hiện năm 2015 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2015 ở mức 66,8 tỷ đồng, tăng 7% so với kế hoạch năm 2014.
- Cổ tức 2015 tối thiểu ở mức 10%, tương đương 1.000đ/CP

Với những thương vụ mà bộ phận IB TVS đang theo đuổi trong hơn 2 năm qua, chúng tôi kỳ vọng IB sẽ đóng góp lợi nhuận đáng kể cho TVS năm 2015. TVS tin tưởng “đầu tư giá trị” vẫn tiếp tục là chiến lược mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh TTCK VN hiện nay. Chúng tôi sẽ tiếp tục phân bổ vốn cho đầu tư, rủi ro đầu tư được hạn chế qua việc TVS chỉ đầu tư vào các CP có giá trị nền tảng tốt đang trong giai đoạn tăng trưởng. Ngoài ra, HĐQT đã thông qua việc TVS mua hệ thống giao dịch của AFE trong Q1/2015 và TVS sẽ xem xét phân bổ thêm vốn cho hoạt động môi giới trong thời gian tới.

2) KẾT LUẬN

Trong năm 2015, bên cạnh vị thế là nhà tư vấn IB hàng đầu, TVS sẽ tận dụng tối đa cơ hội do thị trường mang lại, để phát triển hiệu quả hơn các mảng đầu tư vốn, môi giới, và quản lý quỹ - một lĩnh vực rất mới đối với TVS. Để đạt được kết quả kinh doanh khả quan sau 7 năm hoạt động, HĐQT mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể nhân viên TVS.

VI. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán

Tốc độ phục hồi của kinh tế thế giới năm 2014 chưa có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, nhưng tình hình đã có thay đổi tích cực hơn, nhất là trong khối công nghiệp hoá Âu-Mỹ-Nhật. Kinh tế Mỹ đã bắt đầu ghi nhận những dấu hiệu phục hồi rất tích cực và trở thành điểm sáng kinh tế toàn cầu. Nhật – Chính sách Abenomics đang phát đi dấu hiệu tích cực nhưng còn sớm để đánh giá hiệu quả mà chính sách này mang lại. Chính sách kích cầu chưa hiệu quả khiến EU đang ở tình thế rất khó khăn. Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đang chậm lại (7.2%-7.5%/quý) do Chính phủ nước này đặt trọng tâm vào tái cấu trúc nền kinh tế thay vì hướng đến tăng trưởng nhanh như giai đoạn trước.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 khả quan hơn 2013 với sự ổn định kinh tế vĩ mô được duy trì vững chắc. Tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét với tăng trưởng GDP đạt 5.98%, cao hơn mức tăng của hai năm gần nhất 2013 (+5.42%) và 2012 (+5.25%). Chỉ số giá tiêu dùng năm 2014 ở mức 1.84%, đây là mức thấp kỉ lục trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực: như tăng trưởng tín dụng cán đích 12%, lãi suất về mức thấp nhất kể từ 2008, chênh lệch lãi suất thu hẹp, quá trình xử lí nợ xấu đang đi đúng hướng dù vẫn còn nhiều khó khăn.

Kinh tế vĩ mô ổn định, hoạt động doanh nghiệp khởi sắc, lãi suất tiết kiệm thấp đã giúp TTCK trở thành kênh đầu tư hấp dẫn và th hút dòng tiền nhất năm 2014. Tổng giá trị giao dịch khớp lệnh và thoả thuận trên 2 sàn đạt 737 nghìn tỷ đồng tăng 111% so với năm 2013. VNIndex đóng cửa ở mức 545,6 điểm, +8,2% so với đầu năm, nhưng lại là năm TTCK khiến nhà đầu tư liên tục trải qua những cung bậc cảm xúc quá trái ngược nhau khi VNIndex 2 lần chinh phục mức trên 600 điểm nhưng cũng rơi nhanh xuống mức 510 với cú sốc sự kiện Biển Đông vào tháng 5, cú sốc Thông tư 36 và giá dầu trong 2 tháng cuối năm.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh

Trong bối cảnh TTCK biến động mạnh, TVS đã tận dụng tốt các nhịp tăng điểm của thị trường để hiện thực hóa lợi nhuận từ danh mục đầu tư. Kết thúc năm 2014, TVS đã đạt được kết quả kinh doanh như sau:

	Thực hiện 2014		Thực hiện 2014
<i>(Đơn vị: tỷ đồng)</i>			
Tổng tài sản	751	Thu nhập trên 1 cổ phiếu	2.041
Vốn chủ sở hữu	511,7	ROA	11,2%
Doanh thu thuần	175,6	ROE	16%
Lợi nhuận trước thuế	98,9	Tăng trưởng doanh thu	9,7%
Lợi nhuận sau thuế	79	Tăng trưởng LNST	+9,9%

Doanh thu năm 2014 +9,7% so với năm 2013 nhờ vào doanh thu đầu tư (chiếm tỷ lệ 70%) +19%, doanh thu môi giới (chiếm tỷ lệ 7,7%) +131%. LNST tăng đạt 79 tỷ đồng , tăng 9,9% so với 2013, và vượt kế hoạch lợi nhuận 26,6%. Khối đầu tư đóng góp hơn 90% vào

LNST công ty. Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 16%, đứng thứ sáu so với khối các công ty chứng khoán.

Đầu tư vốn

Hoạt động đầu tư vốn của TVS trong 2 năm qua đã mang lại những kết quả đáng khích lệ với hiệu suất đầu tư cao hơn VN-Index, HNX-Index và đã đóng góp phần lớn lợi nhuận cho TVS trong năm 2013 và 2014. Danh mục đầu tư TVS năm 2014 +32% so với mức 8.2% của VN-Index. Kết quả này có được là do TVS luôn kiên trì chiến lược đầu tư giá trị, đầu tư vào các doanh nghiệp đầu ngành, các công ty mà TVS hiểu rõ và có kết quả kinh doanh khả quan. TVS tin tưởng đầu tư giá trị tiếp tục là chiến lược mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh TTCK hiện tại.

Ngân hàng đầu tư (IB)

Lợi nhuận đóng góp từ IB chưa đạt mức kế hoạch đề ra do những thương vụ TVS đang thực hiện chưa kết thúc. Trong thương vụ tư vấn huy động vốn, mua bán và sáp nhập vốn cổ phần do TVS tư vấn, các bên mua bán luôn bao gồm cả phía doanh nghiệp Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, tính chất thương vụ rất phức tạp, thời gian kéo dài. Với những thương vụ bộ phận IB đang theo đuổi, TVS kỳ vọng bộ phận IB sẽ đóng góp đáng kể vào lợi nhuận năm 2015. Kết thúc năm 2014, TVS đã thực hiện thành công 19 thương vụ huy động vốn và M&A với tổng giá trị lên tới trên 530 triệu USD.

Môi giới chứng khoán (PCB)

Đây là năm môi giới đóng góp lợi nhuận tốt nhất trong 3 năm qua. Thanh khoản thị trường tăng hơn 100% nên hoạt động môi giới của TVS cũng cải thiện tốt hơn. Nguồn vốn TVS cung cấp cho hoạt động cho vay ký quỹ dưới 15% vốn chủ sở hữu TVS. Thị phần môi giới của TVS chưa tăng đáng kể và hiện chỉ đạt gần 1%.

Hạ tầng công nghệ

Trong năm 2014, TVS đã rà soát lại hệ thống giao dịch và BĐH đã đề xuất HĐQT xem xét thay thế Core giao dịch mới và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong năm 2015 nhằm giúp TVS tiếp tục thực hiện ổn định hệ thống, kiểm soát rủi ro, mở rộng và phát triển khách hàng môi giới.

3. Kết luận

Thay mặt BĐH, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý cổ đông và Hội đồng quản trị TVS đã tin tưởng và đồng hành cùng TVS trong năm qua. Trên đây là tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty



Chức năng và nhiệm vụ các Khối nghiệp vụ:

Khối Môi giới

Tìm kiếm và phát triển khách hàng giao dịch chứng khoán; Môi giới cổ phiếu niêm yết, OTC cho khách hàng. Mở và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch cho khách hàng.

Khối Giao dịch

Quản lý và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khách hàng liên quan đến giao dịch chứng khoán; Xử lý giao dịch mua bán chứng khoán được nhận qua điện thoại và internet, thực hiện lệnh giao dịch, dịch vụ lưu ký, kế toán giao dịch, thực hiện quản lý sổ cổ đông và các dịch vụ tài trợ giao dịch như giao dịch ký quỹ, cầm cố, thực hiện quyền, ứng trước...

Khối Tự doanh

Tổ chức triển khai hoạt động đầu tư, kinh doanh chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán bằng vốn của Công ty theo nguyên tắc đảm bảo sử dụng nguồn vốn của Công ty linh hoạt, an toàn, hiệu quả và tuân thủ đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ Công ty.

- Xây dựng chiến lược đầu tư theo ngành nghề, tỷ trọng hợp lý theo từng thời kỳ;
- Thu thập thông tin và đánh giá cơ hội đầu tư;
- Xây dựng và quản lý danh mục đầu tư của Công ty;

- Thực hiện đầu tư theo danh mục và hạn mức đã được phê duyệt.

Khởi Ngân hàng đầu tư

Các dịch vụ Ngân hàng đầu tư của TVS bao gồm:

- Huy động vốn
- M&A
- Tái cơ cấu
- Thoái vốn đầu tư

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư của TVS được cung cấp riêng biệt cho từng thương vụ cụ thể, cân nhắc đến chiến lược đặc thù của khách hàng và thông thường được bắt đầu bằng việc khảo sát cần trọng mô hình kinh doanh, qui mô hoạt động, cơ cấu vốn, nhu cầu phát triển và tình hình tài chính tổng thể của mỗi khách hàng.

Với mỗi giai đoạn phát triển của doanh nghiệp khách hàng, TVS sẽ điều chỉnh và đưa ra dịch vụ Ngân hàng đầu tư và tư vấn tài chính phù hợp.

Khởi phân tích

Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu vĩ mô, thị trường, ngành, công ty, lập các báo cáo có liên quan và cung cấp thông tin, báo cáo cho các đối tượng sử dụng khác nhau trong và ngoài Công ty tùy thuộc vào mục đích và quy định của Công ty.

Thu thập và xử lý các thông tin thị trường, đưa ra các báo cáo phân tích về thị trường, phân tích vĩ mô, phân tích theo ngành, phân tích chứng khoán và một số các phân tích đặc biệt khác phục vụ yêu cầu xây dựng chiến lược và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư cho các khách hàng cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Các sản phẩm của Phân tích bao gồm:

- Báo cáo chiến lược đầu tư;
- Báo cáo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối;
- Báo cáo phân tích ngành, doanh nghiệp;
- Bản tin thị trường định kỳ hàng ngày, tuần, tháng.

Khởi hỗ trợ:

Công nghệ Thông tin (IT)

Phòng Công nghệ thông tin có chức năng đảm bảo duy trì hệ thống Công nghệ thông tin của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của TVS.

Tài chính Kế toán

Phòng ghi chép mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính để phục quản lý và thống kê kinh doanh. Phòng này có chức năng quản lý tiền mặt và hoạt động ngân quỹ.

Kiểm tra và kiểm soát chi phí trong nghiệp vụ thanh toán phát sinh của các phòng ban cho hợp lý và đúng theo qui định của Công ty.

Hành chính – nhân sự

Phòng hành chính có chức năng quản lý cơ sở vật chất và đảm bảo cho hoạt động tại trụ sở công ty như hệ thống điện, nước, công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phương tiện vận chuyển, hoạt động văn thư, lễ tân.

- Tổ chức tuyển dụng và đào tạo cán bộ nhân viên.
- Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng nhân viên hàng năm và hệ thống thông tin nhân viên trong toàn công ty.
- Tăng cường nghiệp vụ quản trị nhân sự để phát triển nguồn nhân lực cho Công ty.

Pháp chế:

- Tư vấn pháp luật cho Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ và

- giảm thiểu rủi ro về mặt pháp lý.
- Thẩm định về mặt pháp lý trong các hoạt động của Công ty.
 - Soạn thảo, xây dựng, sửa đổi các văn kiện điều lệ, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Văn bản, thoả thuận, hợp đồng trong hoạt động thương mại với các đối tác.
 - Đưa ra các giải pháp về mặt pháp lý cho các tranh chấp, khiếu nại phát sinh từ các hợp đồng, các quan hệ kinh tế, lao động, dân sự, ... giữa Công ty với đối tác hoặc bên thứ ba.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. Hội đồng quản trị có 7 thành viên trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị là 5 năm và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 5 năm. Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu như sau:

- a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- c) Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông.

Hội đồng Đầu tư

Hội Đồng Đầu Tư là một cơ quan tiêu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị bao gồm 4 thành viên do Hội Đồng Quản Trị bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn. Hội Đồng Đầu Tư có quyền quyết định tất cả các vấn đề đầu tư, kinh doanh, quản lý và sử dụng tài sản của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị; quyết định ban hành các quy định áp dụng đối với toàn Công ty trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Đầu Tư.

Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ là một cơ quan chức năng trực thuộc Hội đồng quản trị có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trong hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc là Giám đốc và các Giám đốc điều hành phụ trách các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ (QTRR&KSNB):

Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ là bộ phận trực thuộc Tổng Giám đốc có chức năng và nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của công ty. Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.
- Đề xuất các chiến lược, chính sách và thủ tục quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với các mục tiêu chiến lược chung của TVS trình cho Tổng Giám đốc xem xét.
- Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ. Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro.
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.
- Giúp TGD trong việc tối đa hóa nhận thức rủi ro và huấn luyện nhận thức rủi ro tại TVS.

3. Thành viên Ban Điều hành năm 2014

a. Tổng Giám đốc – Bà Nguyễn Thanh Thảo

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Thảo Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 22/10/1976
- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: 012893878 cấp ngày 13/11/2006 tại Công an HN.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14, ngõ 180 Phương Mai, phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: 23/7 đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp HCM.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính
- Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998-2000	Văn phòng luật sư Liebovitz & Do, Mỹ	Phụ trách văn phòng Luật
2000-2006	Ameriquest Capital Holdings, Mỹ	Chuyên viên phân tích tài chính
1/2007- 1/2009	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Trưởng phòng phân tích
2/2009 – 3/2013	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Giám đốc Chi nhánh
3/2013 - nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Tổng Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

b. Giám đốc – Ông Nguyễn Trường Giang

- Họ và tên: Nguyễn Trường Giang Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 27/10/1963
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: 011778010 cấp ngày 25/07/2006 tại Công an HN.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 13/14B Lý Nam Đế, Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Địa chỉ liên hệ: nt
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1/1997- 10/1999	Ngân hàng TM Cổ phần Á Châu – Hà Nội	T.Phòng tin dụng
10/1999 -2006	Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam	Phụ trách phát triển KD/Trưởng Ban
2006 – nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu: 162.390 cổ phần

c. Kế toán trưởng: Ông Lê Quang Tiến

- Họ và tên: Lê Quang Tiến Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 27/12/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: 011755557 cấp ngày 22/06/2000 tại Công an HN.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 27, ngõ 263/18, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, HN
- Chỗ ở hiện tại: nt
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000-2005	Công ty SX bao bì Hanpack	Kế toán trưởng
5.2005 -12. 2006	Công ty TNHH V.I.S.T.A	Giám đốc Tài chính
1.2007- nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Kế toán trưởng

- Số cổ phần sở hữu: 12.000 cổ phần

4. Thay đổi Thành viên trong năm 2014: không

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a. Số lượng và trình độ cán bộ nhân viên

Số lượng cán bộ nhân viên của TVS tại trụ sở chính, chi nhánh TP HCM như sau:

Nội dung	Số lượng
I/ Số lượng cán bộ nhân viên	65
- Trụ sở chính	36
- Chi nhánh Tp HCM	29
II/ Trình độ học vấn	
- Trên Đại học	08
- Đại học	55
- Trung cấp	02

b. Chính sách đối với người lao động

Ban lãnh đạo Công ty luôn xem con người là nguồn lực quan trọng nhất. Do vậy, các chính sách nhân sự của Công ty được xây dựng nhằm quan tâm toàn diện tới người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tính sáng tạo và thể mạnh của mỗi cá nhân. Xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Môi trường làm việc:

Người lao động tại TVS làm việc trong một môi trường làm việc tiêu chuẩn, được trang bị đầy đủ trang thiết bị như máy tính cá nhân, điện thoại và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu công việc.

Thời gian làm việc tại TVS là 05 ngày/tuần, từ thứ hai đến thứ sáu. Thời gian làm việc nghỉ ngơi phù hợp theo quy định của Bộ Luật lao động.

Ngoài ra, môi trường làm việc tại TVS được cán bộ nhân viên đánh giá là thân thiện, hoà đồng và gần gũi. Đây cũng là một trong những yếu tố khiến người lao động tại TVS gắn bó với Công ty, số lượng nhân viên làm việc tại TVS từ năm đầu thành lập cho tới hết năm 2010 chiếm tỷ lệ rất cao.

- ***Chính sách lương, thưởng, phụ cấp***

Chính sách lương, khen thưởng và phúc lợi được ban hành theo quy định của Bộ Luật lao động và tình hình hoạt động thực tế của Công ty theo tiêu chí công bằng, minh bạch.

Ngoài khoản lương cơ bản cố định, Công ty còn xây dựng chính sách lương kinh doanh được trả hàng tháng. Mức lương kinh doanh được xác định theo quy chế và phụ thuộc vào tình hình kinh doanh thực tế trong tháng của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách phụ cấp như: phụ cấp ăn trưa, phụ cấp xăng xe... nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

- ***Chăm sóc toàn diện người lao động***

Nhằm chăm sóc toàn diện cho cán bộ nhân viên Công ty, bên cạnh việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, Công ty còn mua thêm bảo hiểm "Kết hợp tai nạn con người và chăm sóc sức khoẻ" dành cho người lao động. Tham gia bảo hiểm này, người lao động có thể khám chữa bệnh ngoại trú, được thăm khám tại các cơ sở y tế hàng đầu tại Việt Nam, tạo cho người lao động sự yên tâm, tập trung vào công tác.

Ngoài ra, để gắn kết các cán bộ nhân viên trong Công ty, hàng năm, TVS có tổ chức các chương trình giao lưu như Tiệc gia đình, chương trình nghỉ mát thường niên..., để các thành viên trong Công ty cùng gia đình có cơ hội gặp mặt, chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Các chương trình này đã thực sự là cầu nối đưa mọi người lại gần nhau hơn.

- ***Chính sách đào tạo***

Ban lãnh đạo TVS rất quan tâm tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Các nhân viên mới gia nhập TVS được hướng dẫn, đào tạo rất tận tình các kiến thức chuyên môn cũng như các kỹ năng làm việc, kỹ năng sử dụng hệ thống kỹ thuật tại TSV.

Hàng năm, TVS dành một ngân sách nhất định để hỗ trợ cho các nhân viên nòng cốt tham dự các khoá đào tạo nâng cao về chuyên môn, quản lý tại các tổ chức trong nước và quốc tế.

VIII. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tính đến thời điểm 31/12/2014)

1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ Số ĐKKD	Số lượng năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Trung Hà	Số 96, phố Linh Lang, Cổng Vĩ, Ba Đình, Hà Nội	010310988	9.568.687	22,25%
	Cộng			9.568.687	22,25%

2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Trung Hà	Số 96, phố Linh Lang, Cổng Vĩ, Ba Đình, Hà Nội	9.568.687	22,25%
2	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,554	0,0036%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính VMF Việt Nam	172 Trần Vũ, Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội	30,856	0,07%
4	Đặng Thị Kim Yến	4A, ngõ 132 Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	-	-
Tổng cộng				22,68%

3. Cơ cấu cổ đông (tính đến thời điểm 31/12/2014)

Loại	Số lượng cổ phiếu (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số lượng cổ đông
Trong nước	40.842.703	94,98%	840
- Cá nhân	34.580.132	80,42%	833
- Tổ chức	1.962.571	4,56%	7
- Cổ phiếu quỹ	4.300.000	10,0%	-
Nước ngoài	2.157.297	5,02%	04
- Cá nhân	586.222	1,363%	03
- Tổ chức	1.571.075	3,654%	01
Tổng cộng	43.000.000	100%	844

IX. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:**a. Danh sách thành viên HĐQT:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch
2	Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch
3	Ông Phạm Ngọc Quỳnh	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên
5	Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên
6	Ông Phan Thanh Điện	Thành viên
7	Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên

b. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc:

Tổng Giám Đốc Công Ty báo cáo cho HĐQT thường xuyên, định kỳ hoặc theo yêu cầu của HĐQT về hoạt động đầu tư, hoạt động môi giới, tự doanh, tư vấn tài chính, tình hình quản lý điều hành, tài chính, nhân sự của Công Ty, việc thuê tư vấn thiết lập và kiện toàn bộ máy kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro cho Công ty, qua đó HĐQT thực hiện quyền giám sát việc điều hành và quản lý hoạt động kinh doanh của Giám Đốc, Ban Giám Đốc và kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở việc quản lý điều hành của Giám Đốc để đảm bảo thực hiện tuân thủ các Nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

c. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng đầu tư trực thuộc Hội đồng quản trị thảo luận và quyết định vấn đề về đầu tư, kinh doanh vốn của Công ty.**d. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	150114-01/NQ-HĐQT	15/1/2014	Ban hành chính sách QTRR
2	150114-03/NQ-HĐQT	15/1/2014	Thành lập Ban QTRR
3	150114-02/NQ-HĐQT	15/1/2014	Thành lập Ban Kiểm toán nội bộ
4	04032014/NQ-HĐQT	4/3/2014	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014
5	03042014/NQ-HĐQT	3/4/2014	Bầu chức danh HĐQT và Trả cổ tức lần 2 năm 2013
6	06082014/NQ-HĐQT	6/8/2014	Mua công ty quản lý quỹ làm công ty con
7	08122014/NQ-HĐQT	8/12/2014	Xử lý khoản phải thu quá hạn của Công ty

2. Ban kiểm soát:

a. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Việt Hùng	Trưởng ban
2	Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên
3	Bà Văn Thị Lan Hương	Thành viên

b. Hoạt động của BKS năm 2014

Thực hiện thẩm quyền của mình theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014; kiểm tra tính tuân thủ các quy định pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật lao động; kiểm tra công tác kế toán và trích lập dự phòng theo đúng quy định của Bộ tài Chính; kiểm tra tính tuân thủ quy chế tài chính của TVS; kiểm tra tính thủ các quy định nội bộ TVS.

Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến. Xem xét Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ban điều hành và Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông.

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Cty và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ

- Hoạt động của công ty trong năm 2014 tuân thủ đúng các quy định pháp luật và Điều lệ. Công ty chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin, các báo cáo quản trị, báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn vốn tài chính được công bố đúng thời hạn.
- HĐQT và BDH đã tổ chức triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, như chi trả cổ tức năm 2013, thực hiện niêm yết cổ phiếu TVS trên sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh vào ngày 15/01/2015. Tuy nhiên, chào bán riêng lẻ chưa thực hiện được do TVS cần thời gian để tìm thêm nhiều đối tác tốt và phát hành ESOP chưa thực hiện do HĐQT cần xem xét thêm.

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, điều lệ và quản lý hoạt động của HĐQT và BDH

- HĐQT đã duy trì các phiên họp thường kỳ và đột xuất để quản lý và chỉ đạo hoạt động của TVS. Số phiên họp của Hội đồng quản trị đảm bảo quy định tối thiểu mỗi quý 1 lần theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty. Số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định, việc thảo luận và biểu quyết đảm bảo công khai.
- HĐQT và BDH đã thực hiện tốt vai trò quản lý điều hành Công ty với kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 79 tỷ đồng, vượt 26,6% kế hoạch kinh doanh năm 2014 do ĐHCĐ thông qua
- Công ty đã tuân thủ theo các qui định về hạn chế đầu tư, đầu tư tài sản cố định, và hạn mức vay theo TT 210/2012/TT-BTC. Tuân thủ tỷ lệ vốn khả dụng theo TT 226/2010/TT-BTC (31/12/2010).
- HĐQT thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận quản trị rủi ro và chính sách quản trị rủi ro theo quy định TT210. Tình hình nhận sự ổn định và không có sự cố bất thường nào trong hoạt động.

Về công tác kế toán và tình hình tài chính của công ty

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.
- Căn cứ số liệu báo cáo kiểm toán năm 2014 của TVS đã được kiểm toán bởi công ty KPMG, Ban kiểm soát ghi nhận số liệu báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Công ty đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro cho TVS. Việc trích lập các quỹ và chi thù lao cho HĐQT và BKS trong năm thực hiện theo đúng nghị quyết ĐHCĐ năm 2014
- Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của công ty.

Kết luận:

- Ban kiểm soát nhận định HĐQT và BDH trong năm qua đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý của luật Chứng khoán và luật Doanh nghiệp cũng như trong khuôn khổ điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- Ban kiểm soát không phát hiện sự cố hay vi phạm nào ảnh hưởng đến hoạt động, tài chính của TVS.
- Kết quả giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty: Trong năm 2014, BKS không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty

X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014 (đã kiểm toán)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-094/3

(đã ký)

Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02/3/2015

(đã ký)

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
-------	-------------	-----------------------	-----------------------

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		731.724.251	498.673.366
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	75.380.448	246.169.430
Tiền	111		75.380.448	87.569.430
Các khoản tương đương tiền	112		-	158.600.000
II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	7	560.859.515	220.314.690
Chứng khoán thương mại	121		229.734.332	221.243.876
Đầu tư ngắn hạn khác	128		338.400.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.274.817)	(929.186)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.401.830	31.388.715
		Error!		
		Refere		
		nce		
		source		
		not		
Phải thu của khách hàng	131	found.	5.840.864	11.018.451
Trả trước cho người bán	132		2.549.944	208.614
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		113.025	43.093
Các khoản phải thu khác	138	9	85.897.997	62.988.105
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	-	(42.869.548)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.082.458	800.531
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		386.709	377.081
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		39.441	212.471
Các tài sản ngắn hạn khác	158		656.308	210.979
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.564.417	161.814.571
II. Tài sản cố định	220		1.660.373	3.445.971
Tài sản cố định hữu hình	221	11	577.001	1.548.467
<i>Nguyên giá</i>	222		15.085.711	14.903.651
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.508.710)	(13.355.184)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.083.372	1.697.504
<i>Nguyên giá</i>	228		6.347.650	6.275.910
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.264.278)	(4.578.406)
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	200.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7	10.369.779	149.606.680
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		12.058.259	151.295.160
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		12.058.259	47.260.659
<i>Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		-	104.034.501
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.688.480)	(1.688.480)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.534.265	8.761.920
Chi phí trả trước dài hạn	261		568.680	554.609
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	2.880.084	4.288.313

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	14	3.066.824	2.900.321
Tài sản dài hạn khác	268		1.018.677	1.018.677
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		751.288.668	660.487.937

NGUỒN VỐN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
A NỢ PHẢI TRẢ	300		239.520.940	185.155.949
Nợ ngắn hạn	310		239.520.940	185.155.949
		Error! Reference source not found.		
Vay ngắn hạn	311	Error! Reference source not found.	144.935.000	84.340.000
Phải trả người bán	312	Error! Reference source not found.	4.677.592	9.404.727
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	found.	11.110.210	13.249.606
Phải trả người lao động	315		2.759.210	3.889.749
Chi phí phải trả	316		154.552	182.868
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	66.010.723	63.225.202
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		256	-
		Error! Reference source not found.		
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	found.	9.873.397	10.863.797
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		511.767.728	475.331.988
Vốn chủ sở hữu	410		511.767.728	475.331.988
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	430.000.000	430.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	20	(35.631.190)	(35.631.190)
Quỹ dự phòng tài chính	418		16.784.385	12.834.098
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		16.784.385	12.834.098
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		83.830.148	55.294.982
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		751.288.668	660.487.937

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	46.533.442	-
5. Ngoại tệ các loại	005	18.195	18.245
6. Chứng khoán lưu ký	006	815.036.960	642.556.370
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	547.873.000	521.236.330
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	67.574.970	73.223.110
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	479.760.990	445.958.220
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	537.040	2.055.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	5.006.240	5.070.540
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	5.006.240	5.070.540
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	79.200.000	99.000.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	99.000.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	79.200.000	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	12.305.830	10.584.270
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	20	204.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	12.305.810	10.380.270
6.6 Chứng khoán phong toả chờ rút	037	6.369.850	6.369.850
6.6.2 Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng trong nước	038	6.369.850	6.369.850
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	164.282.040	295.380
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng lưu ký	038	540	40
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	164.281.500	295.340

Người lập

(đã ký)

Bà Nguyễn Thị Vân
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra

(đã ký)

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt

(đã ký)

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND'000	2013 VND'000
Doanh thu	01		175.606.845	160.062.706
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	21	13.496.236	5.858.695
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2	22	122.578.943	103.088.769
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		9.418.800	30.971.813
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		274.124	148.489
Doanh thu khác	01.9	23	29.838.742	19.994.940
Doanh thu thuần	10		175.606.845	160.062.706
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	24	(60.853.109)	(54.813.730)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		114.753.736	105.248.976
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	(15.819.199)	(12.848.504)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98.934.537	92.400.472
Thu nhập khác	31		28	35.788
Chi phí khác	32		(849)	-
Kết quả từ các hoạt động khác	40		(821)	35.788
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		98.933.716	92.436.260
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	(18.519.747)	(17.912.077)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	(1.408.229)	(2.649.167)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		79.005.740	71.875.016
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	70	27	2.041	1.857

Người lập
 (đã ký)
 Bà Nguyễn Thị Vân
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra
 (đã ký)
 Ông Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt
 (đã ký)
 Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT **Mẫu B05-CTCK**
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối kỳ	
	1/1/2013		2013		2014		31/12/2013	
	VND'000	VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	VND'000	VND'000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	430.000.000	430.000.000	-	-	-	-	430.000.000	430.000.000
Cổ phiếu quỹ	(35.631.190)	(35.631.190)	-	-	-	-	(35.631.190)	(35.631.190)
Quỹ dự phòng tài chính	9.240.347	12.834.098	3.593.751	-	3.950.287	-	12.834.098	16.784.385
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	9.240.347	12.834.098	3.593.751	-	3.950.287	-	12.834.098	16.784.385
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	36.494.967	55.294.982	71.875.016	(53.075.001)	79.005.740	(50.470.574)	55.294.982	83.830.148
	449.344.471	475.331.988	79.062.518	(53.075.001)	86.906.314	(50.470.574)	475.331.988	511.767.728

Người lập
(đã ký)

Bà Nguyễn Thị Vân
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra
(đã ký)

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt
(đã ký)

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B03-CTCK

	Mã số	2014 VND'000	2013 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	98.933.716	92.436.260
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	1.839.398	3.065.945
Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng	03	6.540.676	(14.251.788)
Lỗi từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	29.585	1.202.978
Lãi thuần từ hoạt động đầu tư	05	(17.551.327)	(90.885.866)
Chi phí lãi vay	06	4.436.066	3.067.147
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	94.228.114	(5.365.324)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(69.820.848)	(12.697.790)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.731.519)	(265.947.852)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.367.382)	(3.064.306)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.337.110)	(9.442.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.028.745)	(296.517.432)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(982.060)	(1.405.065)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	33.864
Tiền chi mua chứng khoán nợ và chứng khoán vốn	23	-	(44.195.406)
Tiền thu hồi từ bán lại chứng khoán nợ và chứng khoán vốn	24	130.068.827	92.358.454
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		(338.400.000)	-
Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.307.392	56.883.493
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(184.005.841)	103.675.340

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B03-CTCK

	Mã số	2014 VND'000	2013 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	144.935.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(84.340.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(43.349.396)	(38.298.405)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.245.604	(38.298.405)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(170.788.982)	(231.140.497)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	246.169.430	477.309.927
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)	70	75.380.448	246.169.430

Người lập

(*đã ký*)

Bà Nguyễn Thị Vân
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra

(*đã ký*)

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt

(*đã ký*)

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014996 ngày 13 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 430 tỷ VND.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại Hà Nội và một chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Niêm yết

Từ ngày 15 tháng 1 năm 2015, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu chứng khoán niêm yết là TVS. Số lượng cổ phiếu niêm yết là 43 triệu cổ phiếu TVS tương ứng với vốn điều lệ là 430 tỷ VND.

Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 63 nhân viên (31/12/2013: 67 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

▪ Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 (“Thông tư 95”) và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (“Thông tư 162”), các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

▪ **Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

▪ **Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

▪ **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn đến hàng nghìn ("VND'000").

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, trong đó tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

▪ **Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán**

(i) Phân loại

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích tự doanh và được gọi là chứng khoán thương mại.
- Chứng khoán đầu tư dài hạn bao gồm chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các chứng khoán phi phái sinh hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán phi phái sinh được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào, mà không phải là các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

(ii) Ghi nhận và dừng ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

(iii) Đo lường

Các khoản đầu tư chứng khoán được phản ánh theo nguyên giá (giá gốc) trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Nguyên giá của chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”).

Theo Thông tư 228, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

▪ **Chi phí trả trước ngắn hạn**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 1 năm.

▪ **Tài sản cố định hữu hình**

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

I. vật kiến trúc	3 năm
II. phương tiện vận chuyển	6 năm
III. thiết bị văn phòng	2 – 5 năm
IV. tài sản khác	3 năm

▪ **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

▪ **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

▪ **Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

▪ **Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của dòng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

▪ **Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	: 5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	: 5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Đại hội cổ đông. Mức trích lập hàng năm do Đại hội cổ đông quyết định theo Điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

▪ **Vốn cổ phần**

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

▪ **Doanh thu**

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu tiền lãi từ trái phiếu được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sử dụng lãi suất thực tế.

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

▪ **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

▪ **Chi phí vay**

Chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

▪ **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

▪ **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty có 4 bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực môi giới: thực hiện các hoạt động về môi giới mua bán chứng khoán cho nhà đầu tư.
- Lĩnh vực tự doanh: thực hiện các hoạt động mua bán chứng khoán của Công ty trên thị trường.
- Lĩnh vực tư vấn: thực hiện các hoạt động về tư vấn tài chính.
- Lĩnh vực kinh doanh nguồn vốn: thực hiện các hoạt động như ứng trước tiền bán và cho nhà đầu tư vay ký quỹ, thu lãi tiền gửi ngân hàng...

Công ty hiện tại hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

▪ **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu các bên đều dưới quyền kiểm soát chung hoặc chịu cùng ảnh hưởng đáng kể như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 – Thông tin về các bên có liên quan.

▪ **Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

▪ **Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Mẫu B09-CTCK

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

4. Báo cáo bộ phận

Công ty có 4 bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Lĩnh vực môi giới		Lĩnh vực tự doanh		Lĩnh vực tư vấn		Lĩnh vực kinh doanh nguồn vốn		Tổng	
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Doanh thu bộ phận	13.770.360	6.007.184	122.578.943	103.088.769	9.418.800	30.971.813	29.838.742	19.994.940	175.606.845	160.062.706
Chi phí trực tiếp	(13.185.916)	(8.665.167)	(31.381.184)	(19.954.534)	(7.422.999)	(16.221.155)	(7.271.619)	(6.906.928)	(59.261.718)	(51.747.784)
Chi phí khấu hao	(1.138.430)	(1.815.052)	(341.490)	(488.638)	(100.966)	(257.521)	(258.512)	(504.735)	(1.839.398)	(3.065.946)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(553.986)	(4.473.035)	90.856.269	82.645.597	1.894.835	14.493.137	22.308.611	12.583.277	114.505.729	105.248.976
Chi phí không phân bổ của Công ty									(15.571.192)	(12.848.504)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh của Công ty (Chi phí)/thu nhập khác của Công ty									98.934.537	92.400.472
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty									(821)	35.788
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty									(19.927.976)	(20.561.244)
									79.005.740	71.875.016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Mẫu B09-CTCK

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

	Lĩnh vực môi giới		Lĩnh vực tự doanh		Lĩnh vực tư vấn		Lĩnh vực kinh doanh nguồn vốn		Tổng	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản bộ phận	111.478.198	65.312.918	295.313.651	438.618.058	5.945.294	160.742	329.636.261	117.862.719	742.373.404	621.954.437
Tài sản không phân bổ của Công ty									8.915.264	38.533.500
Tổng tài sản của Công ty									751.288.668	660.487.937
Nợ phải trả bộ phận	(66.010.72)	(63.225.202)	-	-	-	-	(144.935.000)	(84.340.000)	(210.945.723)	(147.565.202)
Nợ phải trả không phân bổ của Công ty									(28.575.217)	(37.590.747)
Tổng nợ phải trả của Công ty									(239.520.940)	(185.155.949)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tiền		
Tiền mặt	-	581.041
Tiền gửi ngân hàng	75.380.448	86.988.389
- <i>Của Công ty chứng khoán</i>	9.387.474	23.762.991
- <i>Giữ hộ nhà đầu tư (*)</i>	65.992.974	63.225.398
	<hr/> 75.380.448	<hr/> 87.569.430
Các khoản tương đương tiền		
- <i>Của Công ty chứng khoán</i>	-	158.600.000
	<hr/> 75.380.448	<hr/> 246.169.430

(*) Tiền gửi ngân hàng giữ hộ nhà đầu tư nhằm mục đích giao dịch chứng khoán và được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có số ngoại tệ trị giá 18.195 nghìn VND (31/12/2013: 18.245 nghìn VND).

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện

	2014		2013	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND'000	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND'000
Của Công ty	15.808.994	589.530.058	21.671.130	533.556.791
<i>Cổ phiếu</i>	14.818.994	483.779.928	21.534.820	532.293.201
<i>Trái phiếu</i>	990.000	105.750.130	-	-
<i>Chứng khoán khác</i>	-	-	136.310	1.263.590
Của nhà đầu tư	298.030.452	4.990.185.496	206.470.793	2.714.450.496
<i>Cổ phiếu</i>	298.030.452	4.990.185.496	205.401.553	2.704.415.574
<i>Chứng khoán khác</i>	-	-	1.069.240	10.034.922
	<hr/> 313.839.446	<hr/> 5.579.715.554	<hr/> 228.141.923	<hr/> 3.248.007.287

7. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND'000	VND'000
Chứng khoán thương mại	229.734.332	221.243.876
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	338.400.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (i)	(7.274.817)	(929.186)
	<hr/>	<hr/>
	560.859.515	220.314.690

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 13 tháng và hưởng lãi suất năm từ 5,6%/năm đến 8,2%/năm (31/12/2013: 0).

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND'000	VND'000
Chứng khoán sẵn sàng để bán	12.058.259	47.260.659
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	104.034.501
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.688.480)	(1.688.480)
	<hr/>	<hr/>
	10.369.779	149.606.680



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Chi tiết các khoản đầu tư được năm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (số dư cuối năm) và ngày 1 tháng 1 năm 2014 (số dư đầu năm) như sau:

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng		So với giá thị trường		Tổng giá trị	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
I. Chứng khoán thương mại	6.757.553	8.128.850	229.734.332	221.243.876	26.977.502	51.440.196	(7.274.817)	(929.186)	249.437.017	271.754.886
Cổ phiếu niêm yết	6.757.553	7.728.850	229.734.332	181.243.876	26.977.502	51.440.196	(7.274.817)	(929.186)	249.437.017	231.754.886
Trái phiếu doanh nghiệp	-	400.000	-	40.000.000	-	-	-	-	-	40.000.000
II. Chứng khoán đầu tư	1.029.870	4.247.870	12.058.259	151.295.160	-	-	(1.688.480)	(1.688.480)	10.369.779	149.606.680
Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.029.870	3.257.870	12.058.259	47.260.659	-	-	(1.688.480)	(1.688.480)	10.369.779	45.572.179
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.029.870	3.257.870	12.058.259	47.260.659	-	-	(1.688.480)	(1.688.480)	10.369.779	45.572.179
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	990.000	-	104.034.501	-	-	-	-	-	104.034.501
Trái phiếu Chính phủ	-	990.000	-	104.034.501	-	-	-	-	-	104.034.501
IV. Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	338.400.000	-	-	-	-	-	338.400.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (**)	-	-	338.400.000	-	-	-	-	-	338.400.000	-

(*) Những khoản đầu tư không xác định được giá trị thị trường được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán.

(**) Bao gồm trong đó là khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 202.900.000 nghìn VND có kỳ hạn 13 tháng, lãi suất 7%/năm, được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty (31/12/2013: 0) (Thuyết minh 15).

11/1/19 10h -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2014 VND'000	2013 VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	929.186	7.979.662
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 24)	6.345.631	(7.050.476)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<u>7.274.817</u>	<u>929.186</u>

8. Phải thu của khách hàng

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Phải thu phí tư vấn	5.840.000	8.552.205
Phải thu tiền bán chứng khoán	-	2.433.750
Các khoản phải thu khác	864	32.496
	<u>5.840.864</u>	<u>11.018.451</u>

9. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Ứng trước cho nhà đầu tư (i)	18.716.610	4.265.587
Phải thu khác từ nhà đầu tư	30.000.000	49.096.197
Cổ tức phải thu	634.901	1.385.072
Lãi trái phiếu phải thu	-	7.921.142
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.338.239	195.719
Phải thu từ hoạt động ký quỹ	25.920.132	-
Các khoản phải thu khác	1.288.115	124.388
	<u>85.897.997</u>	<u>62.988.105</u>

(i) Ứng trước cho nhà đầu tư kinh doanh chứng khoán có kỳ hạn gốc từ 2 đến 4 ngày.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2014 VND'000	2013 VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	42.869.548	50.070.860
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 24)	195.045	(7.201.312)
Sử dụng dự phòng trong năm	(43.064.593)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12	-	42.869.548

11. Tài sản cố định hữu hình

Năm 2014

	Vật kiến trúc VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tài sản khác VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.491.568	641.122	12.568.365	202.596	14.903.651
Tăng trong năm	-	-	182.060	-	182.060
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.491.568	641.122	12.750.425	202.596	15.085.711
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	830.206	632.218	11.773.769	118.991	13.355.184
Khấu hao trong năm	350.790	8.904	761.469	32.363	1.153.526
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.180.996	641.122	12.535.238	151.354	14.508.710
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	661.362	8.904	794.596	83.605	1.548.467
Số dư tại ngày 31 tháng 12	310.572	-	215.187	51.242	577.001

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 13.723.337 nghìn VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 5.591.257 nghìn VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Năm 2013	Vật kiến trúc VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tài sản khác VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.101.391	641.122	15.462.057	141.455	17.346.025
Tăng trong năm	857.466	-	137.311	97.089	1.091.866
Phân loại lại	(467.289)	-	(3.031.003)	(35.948)	(3.534.240)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.491.568	641.122	12.568.365	202.596	14.903.651
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.101.391	525.365	12.570.591	141.455	14.338.802
Khấu hao trong năm	196.104	106.854	1.788.945	13.483	2.105.386
Phân loại lại	(467.289)	(1)	(2.585.767)	(35.947)	(3.089.004)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	830.206	632.218	11.773.769	118.991	13.355.184
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	-	115.757	2.891.466	-	3.007.223
Số dư tại ngày 31 tháng 12	661.362	8.904	794.596	83.605	1.548.467

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2014 VND'000	2013 VND'000
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	6.275.910	6.320.225
Chuyển từ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	1.000.000	-
Tăng trong năm	-	113.199
Phân loại lại	-	(157.514)
Xóa sổ	(928.260)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12	6.347.650	6.275.910
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	4.578.406	3.764.609
Hao mòn trong năm	685.872	960.559
Phân loại lại	-	(146.762)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	5.264.278	4.578.406
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.697.504	2.555.616
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.083.372	1.697.504

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 3.121.550 nghìn VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 2.881.551 nghìn VND).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận*

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	371.466	371.466
Dự phòng phải thu khó đòi	2.508.618	3.916.847
	<hr/>	<hr/>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	2.880.084	4.288.313

(ii) *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản mục sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị thuế VND'000	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị thuế VND'000
Lỗ tính thuế	6.027.379	1.326.023	6.027.379	1.326.023

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND'000
2015	Chưa quyết toán	<hr/> 6.027.379

14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo các Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch mỗi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2014 VND'000	2013 VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	2.900.321	2.519.924
Tăng trong năm	-	89.827
Tiền lãi phân bổ trong năm	166.503	290.570
Số dư tại ngày 31 tháng 12	3.066.824	2.900.321

15. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Vay ngắn hạn	89.810.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	55.125.000	84.340.000
	144.935.000	84.340.000

Điều khoản và điều kiện khoản vay hiện còn số dư như sau:

	Kỳ hạn	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Khoản vay 1	3 năm	USD	Lãi suất thả nổi	-	84.340.000
Khoản vay 2 (*)	7 tháng	VND	Lãi suất cố định	89.810.000	-
Khoản vay 3 (*)	14 tháng	VND	Lãi suất cố định	55.125.000	-
				144.935.000	84.340.000

(*) Đây là các khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có tổng giá trị ghi sổ là 202.900.000 nghìn VND, chịu lãi suất 7%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 0) (Thuyết minh 7).

16. Phải trả người bán

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Phải trả chi phí bảo trì phần mềm	4.147.500	4.745.925
Phải trả chi phí tư vấn	-	4.079.344
Phải trả khác	530.092	579.458
	4.677.592	9.404.727

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.847.857	11.665.220
Thuế thu nhập cá nhân	1.247.973	1.533.448
Thuế giá trị gia tăng	346	50.938
Thuế khác	14.034	-
	<hr/>	<hr/>
	11.110.210	13.249.606
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	66.010.723	63.225.202
	<hr/>	<hr/>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Cổ tức phải trả	1.082.628	1.862.024
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	8.775.412	8.970.861
Phải trả khác	15.357	30.912
	<hr/>	<hr/>
	9.873.397	10.863.797
	<hr/>	<hr/>

(*) Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo quy chế tài chính của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2014 VND'000	2013 VND'000
Số dư đầu năm	8.970.861	2.075.060
Trích lập trong năm	-	7.187.499
Sử dụng trong năm	(195.449)	(291.698)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.775.412	8.970.861
	<hr/>	<hr/>

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	43.000.000	430.000.000	43.000.000	430.000.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(4.300.000)	(35.631.190)	(4.300.000)	(35.631.190)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	38.700.000	394.368.810	38.700.000	394.368.810

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu Công ty mua lại, toàn bộ các quyền đều bị treo cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

21. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Đây là doanh thu từ phí môi giới giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư. Phí giao dịch được tính với mức phí từ 0,15% đến 0,50% giá trị giao dịch của nhà đầu tư (2013: từ 0,15% đến 0,50%).

22. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

	2014 VND'000	2013 VND'000
Lãi từ hoạt động mua, bán cổ phiếu	101.376.342	76.158.454
Lãi từ hoạt động mua, bán trái phiếu	3.754.326	-
Thu nhập cổ tức (Thuyết minh 26)	8.944.525	12.560.404
Thu nhập lãi trái phiếu	8.503.750	14.369.911
	122.578.943	103.088.769

23. Doanh thu khác

	2014	2013
	VND'000	VND'000
Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng	24.465.920	16.699.495
Thu nhập lãi từ các khoản ứng trước cho khách hàng	2.447.475	1.176.833
Thu nhập từ hoạt động ký quỹ	624.836	-
Thu nhập từ phí quản lý hồ sơ khách hàng vay tại ngân hàng	1.337.069	1.329.637
Chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ	19.606	551.581
Thu nhập khác	943.836	237.394
	<hr/>	<hr/>
	29.838.742	19.994.940
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2014	2013
	VND'000	VND'000
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	15.550.334	29.173.656
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 10)	195.045	(7.201.312)
Chi phí tổn thất từ xử lý các khoản phải thu quá hạn	3.134.649	-
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 7(i))	6.345.631	(7.050.476)
Lương và các chi phí liên quan	13.192.068	15.648.144
Thuế, phí và lệ phí	2.703.434	1.411.881
Chi phí lãi vay của các khoản vay khác	3.618.321	1.068.372
Chi phí lãi vay của khoản vay có thể chuyển đổi	817.745	1.998.775
Chiết khấu trái phiếu	4.251.357	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.140.721	4.129.334
Chi phí thuê văn phòng	1.869.023	2.048.329
Chi phí hao mòn tài sản cố định	1.591.391	2.628.214
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	645.744	1.479.427
Chi phí vật tư, công cụ	624.411	416.012
Chi phí tư vấn	283.158	6.879.445
Chi phí khác	1.890.077	2.183.929
	<hr/>	<hr/>
	60.853.109	54.813.730
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2014 VND'000	2013 VND'000
Lương và các chi phí liên quan	10.039.001	8.458.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.954.476	1.978.359
Chi phí hao mòn tài sản cố định	248.007	437.731
Thuế và lệ phí	33.180	101.566
Chi phí khác	2.210.335	1.872.712
Chi phí tổn thất từ xử lý các khoản phải thu quá hạn	334.200	-
	15.819.199	12.848.504

26. Thuế thu nhập

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND'000	2013 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm báo cáo hiện tại	18.519.747	17.912.077
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.408.229	2.649.167
Chi phí thuế thu nhập	19.927.976	20.561.244

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND'000	2013 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	98.933.716	92.436.260
Thuế theo thuế suất của Công ty	21.765.418	23.109.065
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất (Thuyết minh 26(c))	-	584.770
Chi phí không được khấu trừ thuế	130.368	36.413
Thu nhập không chịu thuế (*)	(1.967.796)	(3.140.101)
Thay đổi các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(14)	(28.903)
	19.927.976	20.561.244

(*) Bao gồm trong đó là cổ tức nhận được do góp vốn đầu tư tại các đơn vị khác với tổng giá trị 8.944.525 nghìn VND theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (2013: 12.560.404 nghìn VND) (Thuyết minh 22).

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế. Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu từ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 79.005.740 nghìn VND (2013: 71.875.016 nghìn VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 38.700.000 cổ phiếu (2013: 38.700.000 cổ phiếu).

28. Cổ tức

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHCD ngày 1 tháng 4 năm 2014 và Nghị quyết HĐQT số 03042014 ngày 3 tháng 4 năm 2014, Công ty đã tiến hành trả cổ tức lần 2 năm 2013 với tổng số tiền là 42.570.000 nghìn VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 11% trên mệnh giá, tương đương 1.100 VND trên một cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Mẫu B09-CTCK

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

29. Biến động các khoản phải thu

Năm 2014

Khoản mục	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm 2014		Số cuối năm		Số dự phòng đã lập VND'000
	Tổng số VND'000	Số quá hạn VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tổng số VND'000	Số quá hạn VND'000	
Phải thu của khách hàng	11.018.451	973.316	75.189.368	80.366.955	5.840.864	-	-
Trả trước cho người bán	208.614	-	2.451.140	109.810	2.549.944	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	43.093	-	7.858.060	7.788.128	113.025	-	-
Các khoản phải thu khác	62.988.105	50.286.882	1.720.782.454	1.697.872.562	85.897.997	-	-
	74.258.263	51.260.198	1.806.281.022	1.786.137.455	94.401.830	-	-

Năm 2013

Khoản mục	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm 2013		Số cuối năm		Số dự phòng đã lập VND'000
	Tổng số VND'000	Số quá hạn VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tổng số VND'000	Số quá hạn VND'000	
Phải thu của khách hàng	1.414.925	973.316	61.481.875	51.878.349	11.018.451	973.316	800.000
Trả trước cho người bán	667.185	-	194.290	652.861	208.614	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	36.339	-	4.421.243	4.414.489	43.093	-	-
Các khoản phải thu khác	71.640.228	57.939.227	1.952.798.079	1.961.450.202	62.988.105	50.286.882	8.512.000
	73.758.677	58.912.543	2.018.895.487	2.018.395.901	74.258.263	51.260.198	9.312.000
							42.869.548



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii) 75.380.448	245.588.389
Phải thu khách hàng	(iii) 5.840.864	11.018.451
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	113.025	43.093
Trá trước cho người bán	2.549.944	208.614
Các khoản phải thu khác	85.897.997	62.988.105
Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ	(iv) -	40.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	338.400.000	-
Đầu tư dài hạn vào chứng khoán nợ	(iv) -	104.034.501
Tài sản ngắn hạn khác	656.308	210.979
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	3.066.824	2.900.321
	511.905.410	466.992.453

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban giám đốc không nhận thấy rủi ro trọng yếu nào liên quan đến các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này sẽ mất khả năng trả nợ và gây ra tổn thất tài chính cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm được trình bày tại Thuyết minh 10.

(iv) Các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán dễ thanh khoản được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán đã được cấp phép hoạt động, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm các khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 năm VND'000
Vay ngắn hạn	144.935.000	144.935.000	144.935.000
Phải trả người bán	4.677.592	4.677.592	4.677.592
Phải trả người lao động	2.759.210	2.759.210	2.759.210
Chi phí phải trả	154.552	154.552	154.552
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	66.010.723	66.010.723	66.010.723
Các khoản phải trả khác	1.082.628	1.082.628	1.082.628
	219.619.705	219.619.705	219.619.705

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 năm VND'000
Vay và nợ ngắn hạn	84.340.000	84.340.000	84.340.000
Phải trả người bán	9.404.727	9.404.727	9.404.727
Phải trả người lao động	3.889.749	3.889.749	3.889.749
Chi phí phải trả	182.868	182.868	182.868
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	63.225.202	63.225.202	63.225.202
Các khoản phải trả khác	1.862.024	1.862.024	1.862.024
	162.904.570	162.904.570	162.904.570

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Rủi ro hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Công ty có khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD (tương đương VND'000)	31/12/2013 USD (tương đương VND'000)
Tiền và tương đương tiền	18.195	18.245
Vay dài hạn đến hạn trả	-	(84.340.000)
Phải trả khác	(3.847.500)	(4.829.328)
	<u>(3.829.305)</u>	<u>(89.151.083)</u>

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
USD/VND	21.375	21.085

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2014 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lãi thuần tại 31/12/2014 VND'000	Ảnh hưởng trên lãi thuần tại 31/12/2013 VND'000
USD (mạnh thêm 1%)	(29.869)	(668.633)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2014.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND'000	31/12/2013 VND'000
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Các khoản tương đương tiền	-	158.600.000
Đầu tư ngắn hạn khác	338.400.000	-
Đầu tư vào chứng khoán nợ	-	144.034.501
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.066.824	2.900.321
Phải thu khác từ nhà đầu tư	30.000.000	-
<i>Nợ phải trả tài chính</i>		
Vay ngắn hạn	(144.935.000)	-
	<u>226.531.824</u>	<u>305.534.822</u>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn của Công ty	9.387.474	23.762.991
<i>Nợ phải trả tài chính</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	-	(84.340.000)
	<u>9.387.474</u>	<u>(60.577.009)</u>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 73.222 nghìn VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2013: 454.328 nghìn VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán thương mại do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban quản lý rủi ro phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	222.459.515	249.437.017	180.314.690	231.754.886
▪ Trái phiếu	-	-	40.000.000	(*)
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-	104.034.501	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Đầu tư chứng khoán dài hạn	10.369.779	(*)	45.572.179	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	75.380.448	75.380.448	246.169.430	246.169.430
▪ Các khoản phải thu	95.058.138	(*)	31.599.694	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	(4.677.592)	(*)	(9.404.727)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(154.552)	(*)	(182.868)	(*)
▪ Phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán	(66.010.723)	(*)	(63.225.202)	(*)
▪ Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	(84.340.000)	(*)
▪ Vay ngắn hạn	(144.935.000)	(*)	-	-
	187.490.013	(*)	490.537.697	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Hội đồng quản trị		
Lương, phụ cấp Hội đồng Quản trị	300.869.212	263.294.112
Thù lao của Hội đồng Quản trị	498.555.556	111.111.111
Ban Giám đốc		
Lương, phụ cấp Ban Giám đốc	2.063.200.000	2.096.490.909

32. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Trong năm 2014, Công ty tiến hành các thủ tục để mua cổ phần tương đương 99,2% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, một công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam. Ngày 13 tháng 2 năm 2015, Công ty nhận được Quyết định số 178/QĐ-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận giao dịch chuyển nhượng. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để hoàn tất việc chuyển nhượng này.

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

